

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
ĐƠN VỊ: KHOA TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 1, năm học 2023-2024

I. Thông tin chung

Tên học phần:	TÀI CHÍNH HÀNH VI		
Mã học phần:	71FINC30043	Số tín chỉ:	3
Mã nhóm lớp học phần:	231_71FINC30043_01,02,03,04		
Hình thức thi:	Trắc nghiệm kết hợp Tự luận	Thời gian làm bài:	60 phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	<input checked="" type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không	

1. Format đề thi

- Font: Times New Roman
- Size: 13
- Tên các phương án lựa chọn: **in hoa, in đậm**
- Không sử dụng nhảy chữ/số tự động (numbering)
- Mặc định phương án đúng luôn luôn là Phương án A ghi ANSWER: A
- Tổng số câu hỏi thi:
- Quy ước đặt tên file đề thi:
 - + **Mã học phần**_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TNTL_De 1
 - + **Mã học phần**_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TNTL_De 1_Mã đề (*Nếu sử dụng nhiều mã đề cho 1 lần thi*).

2. Giao nhận đề thi

Sau khi kiểm duyệt đề thi, đáp án/rubric. **Trưởng Khoa/Bộ môn** gửi đề thi, đáp án/rubric về Trung tâm Khảo thí qua email: khaothivanlang@gmail.com bao gồm file word và file pdf (*nén lại và đặt mật khẩu file nén*) và nhắn tin + họ tên người gửi qua số điện thoại **0918.01.03.09** (Phan Nhất Linh).

- Khuyến khích Giảng viên biên soạn và nộp đề thi, đáp án bằng **File Hot Potatoes**. Trung tâm Khảo thí gửi kèm File cài đặt và File hướng dẫn sử dụng để hỗ trợ Quý Thầy Cô.

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	Phân biệt được các hiệu ứng tâm lý học ứng dụng để giải thích hành vi tài chính	Trắc nghiệm	35	2, 4, 5, 7, 8, 9, 16, 17, 19, 20, 23, 25, 26, 27, 28	3,75	PI3.1 R
CLO2	Phân tích tác động của các hiệu ứng tâm lý lên các quyết định tài chính trong doanh nghiệp	Trắc nghiệm	35	1, 3, 6, 10, 11, 12, 14, 15, 18, 21, 22, 24, 29, 31, 32	3,75	PI3.2 R
CLO3	Vận dụng tư duy phân biện, phân tích để đưa ra các mối liên hệ giữa tâm lý học lên các hành vi trong các quyết định tài chính của các nhà đầu tư, doanh nghiệp và đưa ra khuyến nghị.	Trắc nghiệm + Tự luận	30	2 trắc nghiệm: 13, 30; 2 tự luận: câu 1, câu 2	2,5	PI4.1 R, A

Chú thích các cột:

(1) Chỉ liệt kê các CLO được đánh giá bởi đề thi kết thúc học phần (tương ứng như đã mô tả trong đề cương chi tiết học phần). Lưu ý không đưa vào bảng này các CLO không dùng bài thi kết thúc học phần để đánh giá (có một số CLO được bố trí đánh giá bằng bài kiểm tra giữa kỳ, đánh giá qua dự án, đồ án trong quá trình học hay các hình thức đánh giá quá trình khác chứ không bố trí đánh giá bằng bài thi kết thúc học phần). Trường hợp một số CLO vừa được bố trí đánh giá quá trình hay giữa kỳ vừa được bố trí đánh giá kết thúc học phần thì vẫn đưa vào cột (1)

(2) Nêu nội dung của CLO tương ứng.

(3) Hình thức kiểm tra đánh giá có thể là: trắc nghiệm, tự luận, dự án, đồ án, vấn đáp, thực hành trên máy tính, thực hành phòng thí nghiệm, báo cáo, thuyết trình, ..., phù hợp với nội dung của CLO và mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

(4) Trọng số mức độ quan trọng của từng CLO trong đề thi kết thúc học phần do giảng viên ra đề thi quy định (mang tính tương đối) trên cơ sở mức độ quan trọng của từng CLO. Đây là cơ sở để phân phối tỷ lệ % số điểm tối đa cho các câu hỏi thi dùng để đánh giá các CLO tương ứng, bảo đảm CLO quan trọng hơn thì được đánh giá với điểm số tối đa lớn hơn. Cột (4) dùng để hỗ trợ cho cột (6).

(5) Liệt kê các câu hỏi thi số (câu hỏi số ... hoặc từ câu hỏi số... đến câu hỏi số...) dùng để kiểm tra người học đạt các CLO tương ứng.

(6) Ghi điểm số tối đa cho mỗi câu hỏi hoặc phần thi.

(7) Trong trường hợp đây là học phần cốt lõi - sử dụng kết quả đánh giá CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI - cần liệt kê ký hiệu PLO/PI có liên quan vào hàng tương ứng. Trong đề cương chi tiết học phần cũng cần mô tả rõ CLO tương ứng của học phần này sẽ được sử dụng làm dữ liệu để đo lường đánh giá các PLO/PI. Trường hợp học phần không có CLO nào phục vụ việc đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI thì để trống cột này.

III. Nội dung câu hỏi thi

PHẦN TRẮC NGHIỆM (32 câu hỏi + 0,25 điểm/câu hỏi)

Câu 1:

Sự đảo ngược tồn tại khi...

- A. Tỷ suất sinh lời có tương quan âm với tỷ suất sinh lời trong quá khứ trong ngắn hạn và dài hạn.
- B. Tỷ suất sinh lời có tương quan âm với tỷ suất sinh lời trong quá khứ trong trung hạn.
- C. Tỷ suất sinh lời có tương quan dương với tỷ suất sinh lời trong quá khứ trong ngắn hạn và dài hạn.
- D. Tỷ suất sinh lời có tương quan dương với tỷ suất sinh lời trong quá khứ trong trung hạn.

ANSWER: A

Câu 2:

Các nhà đầu tư có xu hướng “chạy theo” cổ phiếu và quỹ đầu tư có thành quả tốt là do...

- A. hiệu ứng tức thì
- B. hiệu ứng ngược vị thế
- C. thu nhập hòa vốn
- D. thu nhập ngoài kì vọng

ANSWER: A

Câu 3:

Các bất thường chính trong tài chính hành vi:

- A. phản ứng chậm với các công bố thông tin thu nhập, hiệu ứng công ty quy mô nhỏ, lợi thế của cổ phiếu giá trị, quán tính giá và sự đảo ngược
- B. hiệu ứng công ty quy mô nhỏ, hiệu ứng tức thì, neo quyết định, lệch lạc nổi trội
- C. lợi thế của cổ phiếu giá trị, quán tính giá, lệch lạc nội địa, hiệu ứng hòa vốn
- D. quán tính giá và sự đảo ngược, hiệu ứng công ty quy mô nhỏ, lệch lạc nổi trội; lợi thế của cổ phiếu giá trị

ANSWER: A

Câu 4:

Hiệu ứng là một trong những biểu hiện của sự quá tự tin.

- A. tốt hơn trung bình
- B. ngược vị thế
- C. hòa vốn
- D. thu nhập ngoài kì vọng

ANSWER: A

Câu 5:

Theo.... thì con người bán những khoản lời quá sớm và nắm giữ các khoản thua lỗ quá lâu.

- A. hiệu ứng ngược vị thế
- B. hiệu ứng thu nhập ngoài kì vọng
- C. hiệu ứng ban đầu

D. hiệu ứng tức thì

ANSWER: A

Câu 6:

Nhà đầu tư A đầu tư đang xem xét đầu tư 1 loại chứng khoán trong năm năm với thông tin dự tính như sau: Giá mua chứng khoán ở thời điểm đầu năm là 221.000đồng/ cổ phiếu. Giá bán chứng khoán ở thời điểm cuối năm thứ 5 là 282.000đồng/ cổ phiếu. Cổ tức nhận được cố định cuối mỗi năm là 15%/ cổ phiếu, biết rằng mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 đồng. Nếu tỷ suất sinh lời mong đợi là 10% thì nhà đầu tư A có nên đầu tư vào cổ phiếu này không?

A. Không

B. Có

C. Cần tính thêm dữ liệu khác

D. Đáp án khác.

ANSWER: A

Câu 7:

Xu hướng tìm kiếm sự an tâm, thoải mái và sự quen thuộc là nguyên nhân của...

A. lệch lạc nội địa

B. lệch lạc tức thì

C. neo quyết định

D. lệch lạc nổi trội

ANSWER: A

Câu 8:

.... liên quan đến việc con người tin rằng khả năng của bản thân trên mức trung bình.

A. Hiệu ứng tốt hơn trung bình

B. Lạc quan quá mức

C. Ảo tưởng kiểm soát

D. Lệch lạc tự xác nhận

ANSWER: A

Câu 9:

Theo...., những sự kiện dễ dàng gọi lại trong trí óc thì được cho là dễ xuất hiện.

A. tự nghiệm sẵn có

B. lệch lạc nội địa

C. neo quyết định

D. lệch lạc tức thì

ANSWER: A

Câu 10:

Sau những khoản lỗ, con người có ít khả năng chấp nhận rủi ro hơn. Đó là biểu hiện của hiệu ứng....

A. vết rấn cắn

B. thu nhập ngoài kì vọng

C. ban đầu

D. tức thì

ANSWER: A

Câu 11:

Về lý thuyết, thị trường hiệu quả dựa trên ba trụ cột như sau:

- A. các nhà đầu tư luôn lý trí, các sai lệch không tương quan với nhau, kinh doanh chênh lệch không giới hạn
- B. các nhà đầu tư thiếu lý trí, các sai lệch không tương quan với nhau, kinh doanh chênh lệch không giới hạn
- C. các nhà đầu tư luôn lý trí, các sai lệch tương quan với nhau, kinh doanh chênh lệch có giới hạn
- D. các nhà đầu tư luôn lý trí, không có sự sai lệch đáng kể khi đầu tư, kinh doanh chênh lệch không giới hạn

ANSWER: A

Câu 12:

Chọn phát biểu sai:

- A. Đầu tư giá trị không gia tăng với độ biến động và sự am hiểu của nhà đầu tư.
- B. Độ mạnh của quán tính giá biến đổi cùng với tình hình thị trường.
- C. Tính hiệu quả của đầu tư giá trị phụ thuộc vào sử dụng phương pháp đơn giản là giá trị sổ sách trên giá trị thị trường, nên thông tin từ báo cáo tài chính cũng có thể hữu ích.
- D. Quán tính giá có thể cải thiện bằng cách kết hợp các phương pháp sàng lọc.

ANSWER: A

Câu 13:

Một dự án của công ty A có vốn đầu tư ban đầu là \$600 vòng đời dự án là 4 năm, biết dự án không có giá trị thanh lý có dòng tiền thuần lần lượt là: \$300, (\$230), \$620, \$550. Biết hệ số chiết khấu của dự án là 7%. Giá trị thuần của dự án đầu tư là bao nhiêu, có nên thực hiện dự án không?

- A. \$405,18, dự án có NPV > 0 nên thực hiện dự án.
- B. \$354,17, dự án có NPV > 0 nên thực hiện dự án.
- C. \$567,24, dự án có NPV > 0 nên thực hiện dự án.
- D. Đáp án khác

ANSWER: A

Câu 14:

Trong một danh mục tài sản, rủi ro đặc trưng của công ty Tuy nhiên, rủi ro hệ thống hay còn gọi là rủi ro thị trường thì....

- A. có thể được đa dạng hóa/không thể loại bỏ
- B. không thể loại bỏ/ được đa dạng hóa
- C. được loại trừ/không thể loại trừ
- D. chắc chắn được đa dạng hóa/có thể được loại trừ

ANSWER: A

Câu 15:

.... là chênh lệch giữa tỷ suất sinh lợi kỳ vọng của toàn bộ thị trường chứng khoán và tỷ suất sinh lợi của danh mục các chứng khoán có thu nhập cố định.

- A. Phần bù vốn cổ phần
- B. Phần bù rủi ro
- C. Phần bù thị trường
- D. Phần bù rủi ro thị trường

ANSWER: A

Câu 16:

.... là xu hướng tìm kiếm những bằng chứng phù hợp với niềm tin ban đầu và lờ đi những dữ liệu cho thấy điều ngược lại.

- A. Lệch lạc tự xác nhận
- B. Lệch lạc tự quy kết
- C. Sự tự quy kết
- D. Neo quyết định

ANSWER: A

Câu 17:

Chiến lược là một hành động chuyển từ đặc thù này sang một đặc thù khác với nỗ lực xác định sự chuyển dịch sở thích về đặc thù ở mức độ tổng thể.

- A. xoay theo đặc thù
- B. đầu tư theo quán tính giá
- C. đầu tư theo hành vi
- D. xoay vòng

ANSWER: A

Câu 18:

Mục tiêu.....là mục tiêu ngắn hạn trong quản trị tài chính.

- A. tối đa hóa giá trị cổ phần hiện hữu
- B. tối đa hóa giá trị doanh nghiệp
- C. tối đa hóa lợi nhuận
- D. tối thiểu hóa chi phí

ANSWER: A

Câu 19:

Phát biểu nào sau đây là đúng?

- A. Lệch lạc tự xác nhận là xu hướng tìm kiếm những bằng chứng thống nhất với niềm tin ban đầu.
- B. Lệch lạc nhận thức muộn khiến con người nhớ đến thành công trong quá khứ.
- C. Tự nghiệm dẫn đến hiệu ứng ban đầu và hiệu ứng tức thì.
- D. Tự nghiệm giúp con người có những quyết định đúng đắn và tiết kiệm thời gian.

ANSWER: A

Câu 20:

Có một sự ưu tiên cho việc đầu tư nội địa. Điều này thể hiện ở....

- A. lệch lạc nội địa
- B. lệch lạc sẵn có
- C. tự nghiệm lệch lạc
- D. neo quyết định

ANSWER: A

Câu 21:

Các nhà quản lý trong công ty đã tận dụng việc ở hiện tại để làm lợi lâu dài cho các cổ đông hiện hữu.

- A. định giá sai
- B. đầu tư quá mức
- C. khởi nghiệp quá sớm
- D. neo quyết định

ANSWER: A

Câu 22:

Theo Amos Tversky và Daniel Kahneman, có ba loại tự nghiệm là: ...

- A. tình huống điển hình, sự sẵn có, neo quyết định
- B. neo quyết định, lệch lạc nội địa, tình huống điển hình
- C. lệch lạc quen thuộc, ảo tưởng liên kết, neo quyết định
- D. ảo tưởng liên kết, tình huống điển hình, neo quyết định

ANSWER: A

Câu 23:

Một trong những lý do mà các nhà đầu tư tổ chức hay nhỏ lẻ hứng thú với những cổ phiếu tăng trưởng là:

- A. do lệch lạc tình huống điển hình, các nhà đầu tư có thể cho rằng những công ty tốt là khoản đầu tư tốt.
- B. do lệch lạc nội địa, các nhà đầu tư chỉ đầu tư ở địa phương.
- C. do ảo tưởng liên kết, các nhà đầu tư phân bổ danh mục không đồng đều.
- D. do định giá sai các cổ phiếu tốt.

ANSWER: A

Câu 24:

“Hầu hết các nhà đầu tư nhỏ lẻ thiếu thời gian để phân tích nhiều loại cổ phiếu vì vậy họ sẽ dừng lại sau khi chỉ phân tích một vài chứng khoán.”. Là biểu hiện của:

- A. Đa dạng hóa thấp và chấp nhận rủi ro quá mức
- B. Đa dạng hóa thấp và chấp nhận rủi ro thấp
- C. Đa dạng hóa cao và chấp nhận rủi ro quá mức
- D. Đa dạng hóa cao và chấp nhận rủi ro thấp

ANSWER: A

Câu 25:

.... hiện diện khi xác suất câu trả lời đúng nằm trong khoảng tin cậy khác biệt đáng kể so với x%.

- A. Ước lượng sai
- B. Sự quá tự tin
- C. Hiệu ứng tốt hơn trung bình
- D. Hiệu ứng tương phản

ANSWER: A

Câu 26:

Phát biểu nào sau đây là đúng?

- A. “Tôi muốn mua giày thể thao hơn giày cao gót vì tôi thường thích đi giày thể thao hơn”. Đây là tự nghiệm dạng một.
- B. “Tôi muốn ăn bánh mì hơn ăn bún bò vì tôi thường ăn bánh mì vào buổi sáng”. Đây là tự nghiệm dạng hai.

- C. Tự nghiệm giúp con người có những quyết định đúng đắn và tiết kiệm thời gian.
 D. Tự nghiệm dẫn đến hiệu ứng ban đầu và hiệu ứng tức thì.

ANSWER: A

Câu 27:

.... là khuynh hướng đưa con người đến những suy nghĩ “đã biết từ lâu rồi”.

- A. Sự nhận thức muộn
 B. Lạc quan quá mức
 C. Lệnh lạc tự xác nhận
 D. Áo tưởng kiểm soát

ANSWER: A

Câu 28:

Đâu là lý thuyết hiệu ứng công ty nhỏ?

- A. Các công ty có vốn hoá thị trường thấp kiếm được lợi nhuận vượt trội sau khi điều chỉnh rủi ro thị trường.
 B. Trái ngược với thị trường hiệu quả giá phản ánh ngay lập tức ở thời điểm công bố, một thời gian ngắn sau tạo ra xu hướng giá.
 C. Vào ngày công bố thị trường sẽ phản ứng tích cực với các khoản thu nhập bất thường dương, và tiêu cực với các khoản thu nhập bất thường âm
 D. Các công ty giá trị có chỉ số B/P, E/P, CF/P cao tương đối so với các công ty tăng trưởng.

ANSWER: A

Câu 29:

Con sốt hoa tulip ở Châu Âu vào 400 năm trước là ví dụ cho....

- A. hiện tượng bong bóng
 B. hiện tượng bất thường
 C. hiện tượng biến động quá mức
 D. hiện tượng lạc quan quá mức

ANSWER: A

Câu 30:

Giả sử cổ phiếu A và Z có hệ số beta lần lượt là 2,5 và 1,7. Lợi nhuận không rủi ro là 6% trong khi lợi nhuận thị trường là 10%. Nhà đầu tư đầu tư 45% vào cổ phiếu A và 55% vào cổ phiếu Z. Yêu cầu: Tính toán tỷ suất sinh lợi của cổ phiếu A và Z?

- A. 16% và 12,8%
 B. 12,8% và 16%
 C. 16% và 14,24%
 D. 12,8% và 14,24%

ANSWER: A

Câu 31:

Các dạng biểu hiện của sự tự tin quá mức là:

- A. ước lượng sai, hiệu ứng tốt hơn trung bình, ảo tưởng kiểm soát, lạc quan quá mức
 B. hiệu ứng ban đầu, hiệu ứng tốt hơn trung bình, thu nhập ngoài kì vọng
 C. ước lượng sai, hiệu ứng ngược vị thế, ảo tưởng kiểm soát, lạc quan quá mức
 D. neo quyết định, hiệu ứng hòa vốn, tình huống điển hình

ANSWER: A

Câu 32:

Sự xung đột tiềm ẩn giữa lợi ích của ban quản lý và của cổ đông sẽ dẫn đến....khi lượng tiền mặt sẵn có tại công ty vì các nhà quản lý ưa thích việc xây dựng “đế chế” của riêng họ.

- A. đầu tư quá mức
- B. neo quyết định
- C. khởi nghiệp quá sớm
- D. tự nghiệm sẵn có

ANSWER: A

PHẦN TỰ LUẬN (2 câu hỏi + 1,0 điểm/câu hỏi)**Câu hỏi 1: (1,0 điểm)**

Công ty Hoàng Long có vốn kinh doanh là 150 tỷ đồng với cấu trúc vốn như sau:

Cổ phiếu thường chiếm tỷ lệ 50%, số lượng cổ phiếu thường lưu hành 3.500.000 cổ phiếu.

Cổ phiếu ưu đãi chiếm tỷ lệ 10%;

Trái phiếu chiếm tỷ lệ 40%

Kết quả kinh doanh có lợi nhuận sau thuế: 25 tỷ đồng.

Tỷ lệ thu nhập giữ lại 50%, tỷ lệ cổ tức ưu đãi 6%.

a/ Tính các chỉ tiêu ROE, EPS, DPS?

b/ Tính thư giá cổ phiếu?

Câu hỏi 2: (1,0 điểm)

Trong quyết định đầu tư, con người có thể vừa lạc quan quá mức và vừa ước lượng sai cùng một lúc không? Cho ví dụ minh họa.

ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Trắc nghiệm		8.0	
Câu 1 – 32	Đáp án A	0.25	
II. Tự luận		2.0	
Câu 1	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Vốn cổ phần thường: $150 \text{ tỷ đồng} \times 50\% = 75 \text{ tỷ đồng}$ ✓ Vốn cổ phần ưu đãi: $150 \text{ tỷ} \times 10\% = 15 \text{ tỷ đồng}$ ✓ Vốn trái phiếu: $150 \text{ tỷ} \times 40\% = 60 \text{ tỷ đồng}$ ✓ Cổ tức cổ phiếu ưu đãi: $15 \text{ tỷ} \times 6\% = 0,9 \text{ tỷ}$ ✓ $ROE = \text{lợi nhuận sau thuế} / \text{Vốn cổ phần thường} = 25/75 = 33,33\%$ ✓ $EPS = (\text{lợi nhuận sau thuế} - \text{cổ tức cổ phiếu ưu đãi}) / \text{số lượng cổ phần thường}$ ✓ $= (25 - 0,9) * 1.000.000.000 / 3.500.000 = 6.886 \text{ đồng}$ ✓ $DPS = EPS * \text{tỷ lệ tt ct} = 6.886 \times 50\% = 3.443 \text{ đồng}$ ✓ Giá trị sổ sách (Thư giá) = $(VCP \text{ thường theo mệnh giá} + \text{Vốn Thặng dư} + \text{Thu nhập giữ lại}) / \text{Số CPT đang lưu hành}$ ✓ $= (75 + 25 * 50\%) * 1.000.000.000 / 3.500.000 = 25.000 \text{ đồng}$ 	1.0	

Câu 2	Trong quyết định đầu tư, con người có thể vừa lạc quan quá mức và vừa ước lượng sai cùng một lúc. Sinh viên cho ví dụ phù hợp.	1.0	
	Điểm tổng	10.0	

Người duyệt đề

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 11 năm 2023

Giảng viên ra đề

**Nguyễn Thúy Quỳnh
Nguyễn Ngọc Tú Vân**